

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN BÀU BÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 415/TB-THADS

Bàu Bàng, ngày 17 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung 2024);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Bản án số 236/2024/DS-ST ngày 25/11/2024 và Trích lục Bản án số 03/2025/TL-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn số 663/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 1005/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 27/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số: Vc 330/2025/276 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Đầu Tư và Thẩm Định Giá LAHA.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 407/TB-THADS ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản;

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương lựa chọn: Công ty Đấu giá Hợp danh Công Lập.

Địa chỉ: số 29, đường số 8, Khu dân cư Hiệp Thành 3, Khu 7, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản đã kê biên sau:



Tài sản đấu giá:

STT	TÊN TÀI SẢN	Diện Tích (m ²)	Loại đất	Giá thẩm định	
				Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
1	Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, có diện tích 376m ² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành CD 745053, vào sổ cấp GCN số CS09322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/11/2016, đất tọa lạc tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, do ông Nguyễn Tuấn Dương đứng tên người sử dụng đất	376,00	ODT	15.268.000	5.740.768.000
2	Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, có diện tích 150m ² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành CQ 149628, vào sổ cấp GCN số CH16271 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/6/2019, đất tọa lạc tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, (Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tuấn Dương theo hồ sơ số 013831.CN.004).	150,00	ODT	12.676.000	1.901.400.000
TỔNG CỘNG					7.642.168.000

* **Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 7.642.168.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Vậy, thông báo để Công ty Đấu giá hợp danh Công Lập, người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được biết./.

(Đính kèm bảng Kết quả chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản).

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về DGTS;
- Đương sự;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Văn Chiến

KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số 445/TB-THADS ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tài sản đấu giá:

STT	TÊN TÀI SẢN	Diện Tích (m ²)	Loại đất	Giá thẩm định	
				Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
1	Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, có diện tích 376m ² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành CD 745053, vào sổ cấp GCN số CS09322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/11/2016, đất tọa lạc tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, do ông Nguyễn Tuấn Dương đứng tên người sử dụng đất	376,00	ODT	15.268.000	5.740.768.000
2	Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, có diện tích 150m ² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành CQ 149628, vào sổ cấp GCN số CH16271 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/6/2019, đất tọa lạc tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, (Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tuấn Dương theo hồ sơ số 013831.CN.004).	150,00	ODT	12.676.000	1.901.400.000
TỔNG CỘNG					7.642.168.000

2. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 7.642.168.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

Công ty Đấu giá Hợp danh Công Lập; Địa chỉ: số 29, đường số 8, Khu dân cư Hiệp Thành 3, Khu 7, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Tổng số điểm: 99 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm theo lý do (nếu có): không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Mức tối đa	Công ty đấu giá Hợp danh Công Lập
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0

5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	56,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i>	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0	
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0	
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0	
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i>	7,0	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0	
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0	
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0	
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0	7,0
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i>	7,0	7,0

1/2/2024
 10/10/2024
 10/10/2024

3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0	6,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời	4,0	

	<i>gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>		
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0	
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0	
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	8,0
1	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	1,0	1,0
2	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh	4,0	4,0
3	Tiêu chí khác (Trong năm trước liền kề tổ chức đấu giá có số lượng Hợp đồng dịch vụ đấu giá, Hợp đồng sửa đổi bổ sung (<i>phụ lục hợp đồng</i>) bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương nhiều nhất và đồng thời có trụ sở chính tại tỉnh Bình Dương có kinh nghiệm hoạt động từ 10 năm trở lên)	3,0	3,0
Tổng số điểm		100	99,0